

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 8 - 2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Minh Hoan

Ông Quan Văn Ngụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Thụy – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang) về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang).

2. Bị đơn: Anh Chúc Văn Ph, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang).

(Nguyên đơn chị Hoàng Thị D và bị đơn anh Chúc Văn Ph đều có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chúc Văn Ph tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2006, đến ngày 08/5/2018 mới đến UBND xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của

hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Chúc Văn Ph thường xuyên đi uống rượu say, sau đó về nhà chửi bới, đánh đập, hành hạ chị. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải, thôn xóm can thiệp, bản thân chị vì thương các con nên cũng đã cố gắng chịu đựng nhưng anh Ph vẫn không chịu thay đổi, vẫn tiếp tục bạo hành chị cả về thể xác lẫn tinh thần. Do không thể chịu đựng được nữa nên chị đã bỏ về sống cùng nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh Chúc Văn Ph từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Chúc Văn Ph đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chúc Văn Ph, để giải phóng cho chị thoát khỏi cảnh bạo lực gia đình, đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Chúc Văn Ph có 03 con chung là Chúc Văn X, sinh ngày 10/12/2006; Chúc Thị Th, sinh ngày 27/01/2011 và Chúc Thị G, sinh ngày 19/9/2017. Hiện tại cháu Chúc Văn X đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Chúc Thị Th và cháu Chúc Thị G thì kể từ khi vợ chồng sống ly thân các con vẫn sống cùng chị nên khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thủy và cháu Hoa đến tuổi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh Chúc Văn Ph phải cấp dưỡng đối với cháu Chúc Thị Th và cháu Chúc Thị G.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Chúc Văn Ph chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung; cũng không có vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong Biên bản lấy lời khai, Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Chúc Văn Ph trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị D tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2006, đến ngày 08/5/2018 mới đến UBND xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh thường xuyên đi uống rượu say, sau đó về nhà vợ chồng lời qua, tiếng lại dẫn đến cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải, thôn xóm can thiệp nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên chị D đã đem theo con nhỏ về ở cùng bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh xác định mình là người có lỗi dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân với nhau. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không nhất trí vì xác định mình vẫn còn tình cảm với vợ, anh muốn chị D quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Hoàng Thị D có 03 con chung là Chúc Văn X, sinh ngày 10/12/2006; Chúc Thị Th, sinh ngày 27/01/2011 và Chúc Thị G, sinh ngày 19/9/2017. Hiện tại cháu Chúc Văn X đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Chúc Thị Th và cháu Chúc Thị G thì kể từ khi vợ chồng sống ly thân các con vẫn sống cùng D và ông bà ngoại. Trường hợp bắt buộc phải ly hôn thì anh nhất trí giao cháu Chúc Thị Th và cháu Chúc Thị G cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị Hoàng Thị D chưa tạo lập được tài sản, đất đai gì chung; cũng không có vay nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Chúc Văn Ph tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2006, đến năm 2018 mới đến UBND xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chị D, anh Ph về chung sống tại thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ph thường xuyên đi uống rượu say, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Chị D đã đem theo 02 con nhỏ về ở nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh Ph từ năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó, chính quyền địa phương nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Ph đã đến mức độ trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị D đối với anh Chúc Văn Ph theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Hoàng Thị D và anh Chúc Văn Ph có 03 con chung là Chúc Văn X, sinh ngày 10/12/2006; Chúc Thị Th, sinh ngày 27/01/2011 và Chúc Thị G, sinh ngày 19/9/2017. Hiện tại cháu Chúc Văn X đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Đối với các cháu Chúc Thị Th và Chúc Thị G thì kể khi vợ chồng chị D, anh Ph sống ly thân với nhau, các cháu vẫn sống cùng chị D và ông bà ngoại tại thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang.

Về tài sản, đất đai chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Hoàng Thị D, anh Chúc Văn Ph có tạo lập được một số tài sản, đất đai chung, nhưng cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được.

Về vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Hoàng Thị D, anh Chúc Văn Ph không có vay nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội

đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị D thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Chúc Văn Ph chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải không có lý do).

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị D:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Chúc Văn Ph.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Chúc Thị Th, sinh ngày 27/01/2011 và Chúc Thị G, sinh ngày 19/9/2017 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chúc Văn Ph không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Đối với con chung là Chúc Văn X, sinh ngày 10/12/2006 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Do nguyên đơn chị Hoàng Thị D và bị đơn anh Chúc Văn Ph đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do chị D là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn. Bị đơn anh Chúc Văn Ph không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Hoàng Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn với anh Chúc Văn Ph, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Chúc

Văn Ph có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Do đó, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh Chúc Văn Ph đã biết được việc chị Hoàng Thị D khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh Ph không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nguyên đơn chị Hoàng Thị D và bị đơn anh Chúc Văn Ph đến tham gia phiên tòa. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị D thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Chúc Văn Ph chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Chúc Văn Ph tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 08/5/2018. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại thôn P, xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do anh Ph thường xuyên đi uống rượu say, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, chính quyền can thiệp nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên chị D đã đem theo 02 con nhỏ về ở cùng bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh Ph từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Chúc Văn Ph để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Trong Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Chúc Văn Ph cũng thừa nhận quá trình chung sống do anh thường xuyên đi uống rượu say, sau đó về nhà vợ chồng lời qua tiếng lại dần đến cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình và chính quyền can thiệp nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn dẫn đến việc chị D đem theo 02 con nhỏ về ở nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh từ năm 2022 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Tuy nhiên, anh Ph không nhất trí ly hôn vì xác định mình vẫn còn tình cảm với vợ nên muốn chị D quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị D và anh Ph sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Anh Ph trình bày vẫn còn tình cảm với chị D, tuy nhiên trong thời gian sống ly thân chị D cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, không khuyên nhủ được chị D quay về đoàn tụ. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị D và anh Chúc Văn Ph đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Chúc Văn Ph là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Hoàng Thị D và anh Chúc Văn Ph có 03 con chung là Chúc Văn X, sinh ngày 10/12/2006; Chúc Thị Th, sinh ngày 27/01/2011 và Chúc Thị G, sinh ngày 19/9/2017. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì chị D đem theo các cháu Chúc Thị Th, Chúc Thị G về sống cùng chị D ở nhà bố mẹ đẻ của mình. Do đó, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Chúc Thị Th, Chúc Thị G và không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Chúc Văn Ph trình bày nếu bắt buộc phải ly hôn thì anh cũng nhất trí giao hai con là Chúc Thị Th, Chúc Thị G cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Trong biên bản lấy lời khai, các cháu Chúc Thị Th, Chúc Thị G cũng thể hiện nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Hoàng Thị D. Do đó, để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và theo nguyện vọng của các con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao hai con chung là cháu Chúc Thị Th và cháu Chúc Thị G cho chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chúc Văn Ph không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung là Chúc Văn X, sinh ngày 10/12/2006 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn chị Hoàng Thị D và bị đơn anh Chúc Văn Ph đều xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Chúc Văn Ph không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Chúc Văn Ph (*Giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 08/5/2018 tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Tuyên Quang – Nay là UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Chúc Thị Th, sinh ngày 27/01/2011 và cháu Chúc Thị G, sinh ngày 19/9/2017 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Chúc Văn Ph không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Đối với con chung là Chúc Văn X, sinh ngày 10/12/2006 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển đầy đủ về tâm thần, thể chất và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không xem xét.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Hoàng Thị D. Bị đơn anh Chúc Văn Ph không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị D và bị đơn anh Chúc Văn Ph được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San